

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2024/DS-ST
Ngày 02-5-2024
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tất Ái
- Bà Lê Thị Thu Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho: Bà Đặng Kiều My – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 457/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH P

Trụ sở: Quốc lộ B, cụm C, xã B, huyện T, tỉnh Đ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Văn M – Thành viên Hội đồng thành viên và ông Nguyễn Vũ Thành Nn – Tổng Giám đốc Công ty TNHH P.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Vũ Thành N, theo giấy ủy quyền ngày 20/02/2023.

Đại diện theo ủy quyền lại:

1. Bà Huỳnh Thị Quỳnh P, sinh năm 1959 theo hợp đồng ủy quyền ngày 24/3/2023 (có mặt).

Địa chỉ: Số H, đường T, phường H, TP C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Huỳnh Tấn C, sinh năm 1986, theo hợp đồng ủy quyền ngày 20/01/2024 (có mặt).

Địa chỉ: Quốc lộ B, Cụm C, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

-Bị đơn: Nguyễn VănH, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 166/9, đường Trần Hưng Đạo, phường 4, tp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH Plimico Việt Nam có đại diện theo ủy quyền Huỳnh Thị Quỳnh P và ông Huỳnh Tấn C thống nhất trình bày: Do có đối chiếu lại so với đơn kiện về số liệu, nên có thay đổi số liệu cụ thể như sau:

Căn cứ theo hợp đồng số 00029/HD-PIL2020 ngày 16/10/2019 về việc mua bán thức ăn thủy sản giữa Công ty TNHH Plimico Việt Nam (đại diện là ông Riel Razo Griengo, chức vụ Giám đốc) với ông Nguyễn VănH.

Căn cứ phụ lục hợp đồng số PL00000107 ngày 16/10/2019 thỏa thuận về phương thức thanh toán đối với khách hàng Nguyễn VănH, tại Điều 1 về phương thức thanh toán hợp đồng, hai bên thỏa thuận: “Bên mua sẽ thanh toán cho bên bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn bán hàng, nếu tới thời gian thanh toán mà bên mua vẫn không thanh toán thì bên bán có quyền tính lãi đối với các hóa đơn chưa thanh toán; Lãi suất đối với các hóa đơn được thỏa thuận là 1%/tháng.”

Công ty chúng tôi đã cung cấp thức ăn đúng chất lượng, số lượng theo đúng thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, ôngH đã nhận đủ số lượng thức ăn thủy sản của Công ty TNHH Plimico Việt Nam nhưng vẫn chưa thanh toán tiền đối với các hóa đơn gồm:

1. Hóa đơn số 6HD0005062 ngày 29/02/2020, tổng số tiền của hóa đơn này là 170.540.000 đồng. ÔngH đã thanh toán 148.663.146 đồng, cụ thể:

Ngày 20/10/2021 ôngH thanh toán cho Công ty số tiền là 74.913.146 đồng.

Ngày 26/11/2021 ôngH thanh toán cho Công ty số tiền là 73.750.000 đồng.

Như vậy, ôngH còn nợ hóa đơn này với số tiền 21.876.854 đồng.

2. Hóa đơn số 6HD0005214 ngày 09/03/2020, chưa thanh toán số tiền là 126.140.000 đồng.

3. Hóa đơn số 6HD0005062 ngày 20/03/2020, chưa thanh toán số tiền là 186.940.000 đồng.

4. Hóa đơn số 6HD0005586 ngày 31/03/2020, chưa thanh toán số tiền là 182.800.000 đồng.

5. Hóa đơn số 6HD0005831 ngày 13/04/2020, chưa thanh toán số tiền là 244.600.000 đồng.

6. Hóa đơn số 6HD0006731 ngày 04/6/2020, chưa thanh toán số tiền là 85.120.000 đồng.

7. Hóa đơn số 6HD0007208 ngày 03/07/2020, chưa thanh toán số tiền là 133.760.000 đồng.

8. Hóa đơn số 6HD0007642 ngày 31/07/2020, chưa thanh toán số tiền là 122.400.000 đồng.

9. Hóa đơn số 6HD0007864 ngày 15/8/2020, chưa thanh toán số tiền là 119.350.000 đồng.

10. Hóa đơn số 7HD0000057 ngày 27/08/2020, chưa thanh toán số tiền là 125.600.000 đồng.

11. Hóa đơn số 7HD0000349 ngày 14/09/2020, chưa thanh toán số tiền là 118.965.000 đồng.

12. Hóa đơn số 7HD0000729 ngày 06/10/2020, chưa thanh toán số tiền là 115.850.000 đồng.

13. Hóa đơn số 7HD0001234 ngày 07/11/2020, chưa thanh toán số tiền là 132.720.000 đồng.

Tổng giá trị của 13 hóa đơn còn nợ là 1.716.121.854 đồng.

Căn cứ Hợp đồng số HD-PILF/0094 ngày 02/01/2021 về việc mua bán thức ăn thủy sản giữa Công ty TNHH Plimico Việt Nam (đại diện là ông Lê Khiêm, chức vụ Tổng Giám đốc) với ông Nguyễn Văn H.

Sau khi ký hợp đồng số HD-PILF/0094, Công ty chúng tôi tiếp tục cung cấp thức ăn theo đúng thỏa thuận. ông H đã nhận đủ số lượng thức ăn thủy sản của Công ty TNHH Plimico Việt Nam nhưng vẫn chưa thanh toán tiền đối với các hóa đơn gồm:

1. Hóa đơn số 7HD0003488 ngày 13/03/2021, chưa thanh toán số tiền là 107.700.000 đồng.

2. Hóa đơn số 7HD0003707 ngày 26/03/2021, chưa thanh toán số tiền là 108.310.000 đồng.

3. Hóa đơn số 0000276 ngày 20/05/2021, chưa thanh toán số tiền là 103.160.000 đồng.

4. Hóa đơn số 0000660 ngày 09/06/2021, chưa thanh toán số tiền là 103.258.750 đồng.

Tổng giá trị của 4 hóa đơn chưa thanh toán là 422.428.750 đồng.

Căn cứ Báo cáo công nợ khách hàng từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/10/2021, Công ty TNHH Plimico Việt Nam tiến hành đối chiếu công nợ với khách hàng Nguyễn VănH. Khách hàng Nguyễn VănH có ký tên xác nhận vào bảng báo cáo công nợ xác định tính đến ngày 31/10/2021 ôngH còn nợ Công ty TNHH Plimico Việt Nam số tiền là 2.750.814.363 đồng. Tiền nợ gốc của các hóa đơn chưa thanh toán là 2.212.300.604 đồng.

Tiền nợ lãi chậm trả đối với các hóa đơn từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/02/2020) mà ôngH đã thanh toán cho Công ty từ ngày 22/10/2021 là 538.513.759 đồng.

Ngày 26/11/2021 khách hàng Nguyễn VănH mua thêm thức ăn và được công ty xuất hóa đơn số 0001629 với số tiền chưa thanh toán là 67.690.000 đồng.

Đồng thời cùng ngày 26/11/2021 ôngH thanh toán cho Công ty số tiền 73.750.000 đồng cho hóa đơn số 6HD0005062 ngày 29/02/2020. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền 73.750.000 đồng thanh toán cho hóa đơn này tính từ ngày 29/4/2021 đến ngày 26/11/2021 là 14.871.929 đồng, chưa thanh toán.

Tổng tiền lãi chậm trả mà ôngH còn nợ đối với các hóa đơn đã thanh toán vào ngày 22/10/2021 và ngày 26/11/2021 là 553.385.688 đồng.

Như vậy, tính đến ngày 31/01/2023 ông Nguyễn VănH còn nợ Công ty số tiền 18 hóa đơn số tiền gốc là 2.206.240.604 đồng.

Tuy nhiên, đến nay ông Nguyễn VănH không thực hiện đúng nội dung đã thỏa thuận. Khoản tiền nợ đã quá thời hạn thanh toán nhưng ôngH vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Tiền lãi phát sinh đối với 18 hóa đơn chưa thanh toán của ông Nguyễn VănH tính đến ngày 31/01/2023, mức lãi suất 1%/tháng là 457.781.701 đồng.

Nay Công ty TNHH P yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho giải quyết.

Yêu cầu ông Nguyễn VănH thanh toán khoản nợ cho Công ty TNHH P với số tiền nợ gốc là 2.206.240.604 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn VănH trả lãi đối với khoản nợ gốc tính đến ngày 26/01/2024 với số tiền là 1.275.916.262 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong. (Trong đó: Tiền nợ lãi chậm trả đối với các hóa đơn từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/02/2020) mà ôngH đã thanh toán cho Công ty vào ngày 22/10/2021 là 538.513.759 đồng (đã ký đối chiếu công nợ); Ngày 26/11/2021 ôngH thanh toán cho Công ty số tiền 73.750.000 đồng cho hóa đơn số 6HD0005062 ngày 29/02/2020. Tiền lãi chậm trả đối với số tiền 73.750.000 đồng thanh toán cho hóa đơn này tính từ ngày 29/4/2020 đến ngày 26/11/2021 là

14.871.929 đồng, chưa thanh toán; Tổng tiền lãi chậm trả mà ông **H** còn nợ đối với các hóa đơn đã thanh toán vào ngày 22/10/2021 và ngày 26/11/2021 là 553.385.688 đồng (Có bao gồm số tiền lãi 14.871.929 đồng). Tiền lãi phát sinh đối với 18 hóa đơn chưa thanh toán của ông Nguyễn Văn **H** tính từ ngày xuất hóa đơn + 60 ngày đến ngày 31/01/2023, mức lãi suất 1%/tháng là 457.781.701 đồng; Và lãi phát sinh sau ngày 31/01/2023 đến ngày 26/01/2024)

- Tổng số vốn và lãi ông Nguyễn Văn **H** thanh toán cho Công ty TNHH **P** tính đến ngày 26/01/2024 là 3.482.156.866 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi ông **H** thanh toán xong tiền nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn **H** đã được toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo kết quả hòa giải và công khai chứng cứ nhưng vẫn không có ý kiến gì và không có mặt để dự phiên tòa mà không có lý do.

* Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Văn **H** thực hiện nghĩa vụ trả nợ thức ăn đối với số tiền nợ gốc 2.206.240.604 đồng; Về số tiền lãi 1.347.251.374. Tổng cộng 3.553.491.978 đồng. Và giữ nguyên các yêu cầu còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định. Riêng bị đơn chưa chấp hành sự triệu tập của Tòa án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu ông Nguyễn Văn **H** có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tổng cộng là 3.553.491.978 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH **P** căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hóa, và các chứng cứ liên quan, để khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn **H** có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn và tiền lãi mà ông **H** đã mua thức ăn còn thiếu. Bị đơn cư trú tại thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang. Theo quy định tại khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn **H** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH **P**, yêu cầu ông Nguyễn Văn **H** thanh toán khoản nợ cho Công ty TNHH **P** với số tiền nợ gốc là 2.206.240.604 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn VănH trả lãi đối với khoản nợ gốc chậm thanh toán và chưa thanh toán, tính đến ngày xét xử với số tiền là 1.347.251.374 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi thanh toán xong.

[2.1] Chứng cứ chứng minh:

Tòa án thụ lý vụ án đã thực hiện tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ôngH, trong các văn bản của Tòa án nói rõ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH P. Nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, phía ôngH không có ý kiến trình bày, cũng như ý kiến phản đối nào đối với chữ ký của mình tại các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên theo khoản 1 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 94 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2.2] Căn cứ vào các chứng cứ nguyên đơn cung cấp bao gồm: Hợp đồng mua bán số 00029/HD-PIL2020 ngày 16/10/2019 và Hợp đồng mua bán số HD-PILF/0094 ngày 02/01/2021, báo cáo công nợ khách hàng từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/10/2021, căn cứ vào chi tiết công nợ khách hàng ngày 31/10/2021, phụ lục hợp đồng ngày 16/10/2019, các văn bản trên được ký kết giữa Công ty TNHH Plimico Việt Nam với khách hàng Nguyễn VănH; Căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng (Từ năm 2019 đến năm 2021) và phiếu xuất kho của Công ty TNHH Plimico Việt Nam. Thể hiện, từ thời điểm ngày 22/11/2019 đến ngày 26/11/2021 ông Nguyễn VănH có mua các mặt hàng thức ăn cá của Công ty TNHH Plimico Việt Nam. Đến ngày 31/10/2021 thì hai bên tiến hành đối chiếu công nợ, ông Nguyễn VănH ký xác nhận nợ với Công ty Plimico Việt Nam số tiền 2.750.814.363 đồng. Bao gồm: Tiền nợ gốc của các hóa đơn chưa thanh toán là 2.212.300.604 đồng, tiền nợ lãi chậm trả đối với các hóa đơn từ ngày 22/11/2019 đến ngày 29/02/2020 mà ôngH đã thanh toán cho Công ty vào ngày 22/10/2021, là 538.513.759 đồng. Sau khi ký xác nhận nợ thì ôngH có mua thêm thức ăn và có trả nợ thức ăn cũ cho Công ty TNHH Plimico Việt Nam.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn VănH trả số tiền nợ gốc mua thức ăn là 2.206.240.604 đồng. Hội đồng xét xử cho rằng yêu cầu trên là căn cứ, bởi lẽ, ngày 31/10/2021 ông Nguyễn VănH đã ký văn bản đối chiếu công nợ, xác nhận nợ với Công ty Plimico Việt Nam và thừa nhận có nợ số tiền nợ gốc của 17 hóa đơn chưa thanh toán là 2.212.300.604 đồng, (trong đó có hóa đơn ngày 29/02/2020, tổng số tiền của hóa đơn này là 170.540.000 đồng. Ngày 20/10/2021 ôngH có thanh toán cho Công ty số tiền là 74.913.146 đồng). Đến ngày 26/11/2021 ông Nguyễn VănH mua thêm thức ăn và được công ty xuất hóa đơn số 0001629 với số tiền chưa thanh toán là 67.690.000 đồng. Phía plimico thừa nhận, cùng ngày 26/11/2021 ôngH thanh toán cho Công ty Plimico

Việt Nam số tiền 73.750.000 đồng cho hóa đơn số 6HD0005062 ngày 29/02/2020. Như vậy, do phát sinh giao dịch mua bán mới và thanh toán nợ cũ nên đến ngày 26/11/2021 sau ngày đối chiếu công nợ thì ông **H** còn nợ số tiền gốc mua thức ăn với số tiền là $(2.212.300.604 \text{ đồng} + 67.690.000 \text{ đồng} - 73.750.000 \text{ đồng}) = 2.206.240.604 \text{ đồng}$. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH **P** đối với yêu cầu buộc ông **H** trả cho nguyên đơn số tiền mua thức ăn là 2.206.240.604 đồng.

[2.4] Đối với yêu cầu tính tiền lãi do chậm thanh toán. Căn cứ mục 1.2 và 1.3 Điều 1 tại phụ lục hợp đồng ngày 16/10/2019 có quy định: Thời hạn thanh toán “Bên mua sẽ thanh toán cho bên bán trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn bán hàng, nếu tới thời hạn thanh toán mà bên mua vẫn không thanh toán thì bên bán có quyền tính lãi đối với các hóa đơn chưa thanh toán”. Lãi suất quá hạn “Bên bán sẽ tính lãi suất các hóa đơn quá hạn cho bên mua với lãi suất được áp dụng 1%/tháng”.

[2.4.1] Về số tiền lãi chậm thanh toán của số tiền thức ăn đã trả. Đối chiếu với các hóa đơn giá trị gia tăng, chi tiết công nợ khách hàng ngày 31/10/2021 có xác nhận của ông Nguyễn Văn **H**, thể hiện: Đối với số tiền nợ thức ăn của 16 hóa đơn có ngày xuất hóa đơn từ ngày 22/11/2019 đến 29/02/2020, vào ngày 22/10/2021 phía ông **H** đã trả đủ tiền theo từng hóa đơn, riêng hóa đơn ngày 29/02/2020, tổng số tiền của hóa đơn này là 170.540.000 đồng. Ngày 20/10/2021 ông **H** chỉ thanh toán cho Công ty số tiền là 74.913.146 đồng. Phía công ty TNHH Pilmico tính lãi suất chậm thanh toán là 1%/tháng, thời hạn tính lãi suất bắt đầu từ ngày số 61 kể từ ngày xuất hóa đơn cho đến ngày trả nợ là 22/10/2021, với số tiền lãi chậm thanh toán với số tiền 538.513.759 đồng. Đến ngày 26/11/2021 ông **H** thanh toán cho Công ty Plimico Việt Nam số tiền 73.750.000 đồng cho hóa đơn số 6HD0005062 ngày 29/02/2020, lãi suất chậm thanh toán được tính từ ngày số 61 kể từ ngày xuất hóa đơn cho đến ngày trả nợ 26/11/2021 với số tiền là tiền lãi 14.871.929 đồng. Nay, phía công ty TNHH Pilmico yêu cầu ông Nguyễn Văn **H** trả tiền lãi suất chậm thanh toán đối với các khoản nợ đã trả, đến 26/11/2021 tổng cộng là 553.385.688 đồng. Căn cứ vào các chứng cứ trên cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn **H** trả số tiền lãi suất chậm thanh toán đối với các khoản nợ đã trả với số tiền 553.385.688 đồng.

[2.4.2] Về số tiền lãi của số tiền thức ăn chưa trả: Đối chiếu với các hóa đơn giá trị gia tăng, chi tiết công nợ khách hàng ngày 31/10/2021 có xác nhận của ông Nguyễn Văn **H**, thể hiện đến ngày 31/10/2021 ông Nguyễn Văn **H** còn nợ

công ty TNHH **P** tiền thức ăn chưa trả qua 17 hóa đơn từ ngày 29/02/2020 đến ngày 09/6/2021. Đến ngày 26/11/2021 ông Nguyễn Văn**H** mua thêm thức ăn và được công ty xuất hóa đơn số 0001629 với số tiền chưa thanh toán là 67.690.000 đồng. Nay Phía công ty TNHH Pilmico tính lãi suất chậm thanh toán là 1%/tháng, thời hạn tính lãi suất bắt đầu từ ngày số 61 kể từ ngày xuất hóa đơn cho đến ngày xét xử, trên tổng cộng 18 hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền lãi chậm thanh toán với số tiền, 793.865.685 đồng. Căn cứ thỏa thuận tại phụ lục hợp đồng và chi tiết công nợ khách hàng ngày 31/10/2021 có xác nhận của ông Nguyễn Văn**H**, các thỏa thuận trên phù hợp với qui định tại Điều 440, 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Văn**H** trả số tiền lãi suất chậm thanh toán đối với các khoản nợ chưa trả với số tiền 793.865.685 đồng.

[3] Quan điểm và đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn**H** phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 30, 35, 39, 92, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH **P**.

Buộc ông Nguyễn Văn**H** có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH Pilmico, số tiền 3.553.491.978 đồng (Ba tỷ năm trăm năm mươi ba triệu bốn trăm chín mươi một nghìn chín trăm bảy tám đồng). Trong đó vốn gốc 2.206.240.604 đồng, lãi 1.347.251.374 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn**H** phải chịu án phí 103.070.000 đồng án phí. Hoàn trả cho Công ty TNHH Pilmico Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 49.242.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0005462 ngày 08/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn**H** không trả khoản tiền trên thì ông Nguyễn Văn**H** còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi trên số tiền chậm trả theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết đến khi thanh toán xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn Nguyễn Văn**H** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Sắc Ly

